

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **299/2021/DS-ST**

Ngày 19/10/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui và vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**Ông Huỳnh Văn Phó**

**Ông Đỗ Thanh Hiền**

**-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Không có.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-DS ngày 30/7/2021 và thông báo tiếp tục đưa vụ án ra xét xử ngày 08/10/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1962 (có mặt)

Địa chỉ: 261B/1 ấp C, thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang

**2. Bị đơn: Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm: 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 175b/1 ấp C, thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà có tên thường gọi là mợ N. Bà có tham gia hui do bà Bé H làm đầu thảo và cho bà Bé H vay tiền, cụ thể như sau:

**1/ Tiền vay:** bà có cho bà Nguyễn Thị Bé H vay tiền làm 02 lần như sau:

Lần 01 ngày 23/6/2020 AL số tiền 300.000.000 đồng, hứa trong 02 tháng sẽ trả, sau đó nói khi nào bà cần sẽ trả, lần bà Bé H hứa trả 5%/tháng, sau khi nhận tiền thì bà Bé H có trả được 04 tháng tiền lãi;

Lần 02 ngày 27/7/2020 AL số tiền 30.000.000 đồng, không có ghi lãi nhưng thống nhất là 5%/tháng, bà Bé H chưa trả lãi.

Tổng cộng là **330.000.000** đồng. Sau đó bà có đòi nợ nhiều lần nhưng bà Bé H không trả, đến ngày 26/12/2020 AL thì có làm tờ cam kết hứa đến ngày 29/01/2021 AL sẽ trả nhưng cũng không trả cho đến nay.

2/ *Tiền mua hụi*: bà có mua của bà Bé H 03 dây hụi như sau:

+Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 24/6/2020 AL có 29 phần, chết 08 phần là 16.000.000 đồng, sống 20 phần là 27.600.000đồng (20x1.380.000đ), tổng cộng là 43.600.000 đồng.

+Dây hụi 1.000.000đ, khai ngày 20/9/2019 AL, có 29 phần, sống 28 phần là 20.440.000 đồng (28 x 730.000đ).

+Dây hụi 1.000.000 đ khai ngày 20/9/2019 AL , có 29 phần, sống 28 phần, bà mua 02 phần là 40.880.000 đồng (28 x 730.000đ x 2)

Tổng cộng tiền mua hụi là **104.920.000** đồng

3/ *Tiền tham gia hụi*:

Bà Bé H làm đầu thảo hụi, bà có tham gia 08 dây và chưa hốt, cụ thể như sau:

+Dây thứ 1: Hụi 1.000.000đ/tháng, khai ngày 20/9/2019 AL gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng đến hết tháng 10/2020 AL, đến ngày 10/11/2020 AL bà Bé H bỏ đi nên không có đóng hụi tiếp, bà đóng được 16 kỳ, mỗi tháng đóng 800.000đ, thành tiền là 12.800.000 đồng.

+Dây thứ 2: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khai ngày 20/9/2019 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng đến hết tháng 10/2020 AL là 16 kỳ, mỗi tháng đóng 1.600.000đ, thành tiền là 25.600.000đồng

+Dây thứ 3: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khai ngày 24/11/2019 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, bà đã đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 3.000.000đồng, thành tiền là 42.000.000đ (khởi kiện lần đầu bà bỏ sót chỉ nêu 01 phần là 21.000.000 đồng, bà đã khởi kiện bổ sung là 02 phần).

+Dây thứ 4: Hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 10/4/2019 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 03 phần. Bà đã đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 4.500.000đ, thành tiền là 94.500.000đồng.

+Dây thứ 5: Hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 10/4/2019 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 3.000.000đ, thành tiền là 63.000.000 đồng.

+Dây thứ 6: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khai ngày 15/7/2020 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.600.000 đ, thành tiền là 8.000.000 đồng.

+Dây thứ 7: Hụi 1.000.000đ/tháng, khai ngày 15/7/2020 AL, gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 800.000đ, thành tiền là 4.000.000 đồng.

+Dây thứ 8: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khai ngày 30/01/2020 AL gồm 29 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 12 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.500.000đ, thành tiền là 18.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hụi là **267.900.000** đồng.

Do bà Bé H ngưng hụi nên các dây hụi bà không có tiếp tục đóng nữa, bà Bé H cũng chưa trả lại tiền hụi đã đóng, tiền mua hụi cũng như tiền vay cho bà dù bà đã yêu cầu trả và bà Bé H cũng hứa hẹn trả.

Tổng số tiền nợ vay, tiền mua hụi và tham gia hụi là **702.820.000** đồng. Bà khởi kiện yêu cầu bà Bé H trả cho bà khi án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý cho trả dần như ý kiến bà Bé H.

*\*Tại tờ khai ngày 20/4/2021 và bổ sung ngày 26/5/2021 bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:*

Bà có vay của bà Nguyễn Thị T (còn gọi là mợ N) hai lần tiền: Lần 1 ngày 23/6/2020 số tiền 300.000.000 đồng; lần 2 ngày 27/7/2020 AL số tiền 30.000.000 đồng. Mỗi lần vay đều có làm biên nhận, số tiền 300.000.000 đồng ghi lãi suất là 5%/tháng, số tiền 30.000.000 đồng không có ghi nhưng hai bên thống nhất lãi là 5%/tháng. Bà đã trả lãi đầy đủ đến ngày 23/11/2021 thì ngưng, vốn chưa trả.

Bà T có mua của bà 03 phần hụi với tổng số tiền là 104.920.000 đồng.

Đồng thời bà T có tham gia 08 dây hụi do bà làm đầu thảo như bà T khởi kiện, tổng số tiền bà T đã đóng là 267.900.000 đồng.

Bà đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ cho bà T, xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng vì không có khả năng trả một lần. Bà yêu cầu tính lại tiền lãi bà đã trả theo quy định pháp luật, nếu thiếu bà đồng ý trả tiếp, nếu thừa thì yêu cầu trừ vào vốn.

*Tại phiên tòa,*

Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Đối với yêu cầu tính lại lãi tiền vay của bà Bé H thì bà đồng ý và yêu cầu bà Bé H tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm.

Bà Nguyễn Thị Bé H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Bé H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé H.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có tờ khai thừa nhận số tiền còn thiếu như nguyên đơn khởi kiện, lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, do đó có đủ cơ sở xác định số tiền nợ gồm các khoản tham gia hụi, mua hụi và tiền vay như sau:

[2.1] Tiền tham gia hụi

+Dây thứ 1: Hụi 1.000.000đ/tháng, khai ngày 20/9/2019 AL gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, đã đóng đến hết tháng 10/2020 AL, đến ngày 10/11/2020 AL bà

Bé H bỏ đi nên không có đóng hụi tiếp, bà đóng được 16 kỳ, mỗi tháng đóng 800.000đ, thành tiền là 12.800.000 đồng.

+Dây thứ 2: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khai ngày 20/9/2019 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 02 phần, đã đóng đến hết tháng 10/2020 AL là 16 kỳ, mỗi tháng đóng 1.600.000đ, thành tiền là 25.600.000 đồng

+Dây thứ 3: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khai ngày 24/11/2019 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 3.000.000đ, thành tiền là 42.000.000 đồng.

+Dây thứ 4: Hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 10/4/2019 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 03 phần, đã đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 4.500.000đ, thành tiền là 94.500.000 đồng.

+Dây thứ 5: Hụi 2.000.000đ/tháng, khai ngày 10/4/2019 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 3.000.000đ, thành tiền là 63.000.000 đồng.

+Dây thứ 6: Hụi 1.000.000 đ/tháng, khai ngày 15/7/2020 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.600.000 đ, thành tiền là 8.000.000 đồng.

+Dây thứ 7: Hụi 1.000.000đ/tháng, khai ngày 15/7/2020 AL, gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 800.000đ, thành tiền là 4.000.000 đồng.

+Dây thứ 8: Hụi 2.000.000 đ/tháng, khai ngày 30/01/2020 AL gồm 29 phần, bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 12 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.500.000đ, thành tiền là 18.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ hụi là **267.900.000** đồng

#### [2.2] Tiền mua hụi

+Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 24/6/2020 AL có 29 phần, bà T mua 01 phần gồm chết 08 phần là 16.000.000 đồng, sống 20 phần là 27.600.000đ (20 x 1.380.000đ), tổng cộng là 43.600.000 đồng.

+Dây hụi 1.000.000đ, khai ngày 20/9/2019 AL, có 29 phần, sống 28 phần, bà T mua 01 phần là 20.440.000 đồng (28 x 730.000đ).

+Dây hụi 1.000.000 đ khai ngày 20/9/2019 AL , có 29 phần, sống 28 phần, bà T mua 02 phần là 40.880.000 đồng (28 x 730.000đ x 02)

Tổng cộng tiền mua hụi là **104.920.000** đồng

#### [2.3] Tiền vay

Bà T cho bà Bé H vay tiền làm 02 lần: Lần 1 ngày 23/6/2020 AL số tiền 300.000.000 đồng; lần 2 ngày 27/7/2020 AL số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 330.000.000 đồng.

[2.3.1] Về mức lãi suất, thời hạn vay và thời gian trả lãi: nguyên đơn và bị đơn thống nhất lãi suất cho vay là 5%/tháng, không có thời hạn vay. Bị đơn cho rằng đã trả lãi đến ngày 23/11/2020 AL thì ngưng không trả nữa; nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận được 04 tháng tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng và 02 tháng tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng.

Xét, việc trả lãi giữa bị đơn và nguyên đơn không có giấy tờ gì chứng minh, bị đơn cho rằng đã trả lãi đến 23/11/2020 AL nhưng nguyên đơn không thừa nhận và khẳng định chỉ nhận lãi như trên, bị đơn không chứng minh được nên Hội đồng xét xử xác định lãi bị đơn đã trả như thừa nhận của nguyên đơn.

[2.3.2] Tiền lãi đã trả

Số tiền 300.000.000 đồng nguyên đơn thừa nhận đã nhận 04 tháng, lãi suất 5%/tháng, thành tiền là 60.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng trả lãi 02 tháng là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là **63.000.000** đồng.

[2.3.3] Tiền lãi theo quy định

Bị đơn có yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả theo quy định pháp luật, nguyên đơn thống nhất và yêu cầu tính tiền lãi đến ngày xét xử. Xét, ý kiến của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi phải trả như sau:

Lần 1 ngày 23/6/2020 AL số tiền 300.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử 19/10/2021 (nhằm ngày 14/9/2021 AL) là 01 năm 02 tháng 15 ngày (tính chẵn). Lãi suất 20%/năm là 60.000.000 đồng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thành tiền là 72.500.000 đồng.

Lần 2 ngày 27/7/2021 AL số tiền 30.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử 19/10/2021 (nhằm ngày 14/9/2021 AL) là 01 năm 01 tháng 15 ngày (tính chẵn). Lãi suất 20%/năm là 6.000.000 đồng, mỗi tháng là 500.000 đồng, thành tiền là 6.750.000 đồng.

Tổng tiền lãi phải trả là **79.250.000** đồng ( $72.500.000đ + 6.750.000đ = 79.250.000$  đồng).

Như vậy tiền lãi bị đơn đã trả so với tiền lãi bị đơn phải trả theo quy định pháp luật còn thiếu số tiền là 16.250.000 đồng ( $79.250.000đ - 63.000.000đ = 16.250.000đ$ ). Bị đơn yêu cầu tính lại tiền lãi nếu thiếu sẽ tiếp tục trả, nếu thừa yêu cầu trừ vào tiền vốn, nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi vay bị đơn còn phải trả tiếp là **16.250.000 đồng**. Tổng tiền vay và lãi là **346.250.000 đồng** ( $330.000.000đ + 16.250.000đ = 346.250.000$  đồng).

Như vậy tổng cộng số tiền tham gia hội, mua hội và tiền vay bị đơn còn nợ là đồng ( $267.900.000đ + 104.920.000đ + 346.250.000đ = 719.070.000$  đồng). Bà T yêu cầu bà Bé H trả số tiền trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả: bà Bé H đồng ý trả tiền cho bà T nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng. Ý kiến của bà Bé H không được bà T đồng ý, đồng thời việc ngưng hội là do lỗi bà Bé H chứ không phải do bà T, việc kéo dài thời gian trả sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, do đó cần buộc bà Bé H trả tiền cho bà T khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H là người cao tuổi (64 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 5, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 471, 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật Dân sự;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;*

*Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, biểu, phường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

**1.** Buộc bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **719.070.000** đồng (*Bảy trăm mười chín triệu, bảy mươi ngàn đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà Bé H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bé H. Hoàn tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T số tiền 18.758.000 đồng theo biên lai số 0004139 ngày 30/3/2021 và biên lai số 0004339 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bé H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Thị Bảnh**